TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**ỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2018/ HS-ST
Ngày 19/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Nâu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSST ngày 03/11/2017, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Công T, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không có.

Sinh trú quán: Thôn Xuân Phong, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1971, con bà Nguyễn Thị Lẽ, sinh năm 1971. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại Bản án số 04/HSST ngày 20/01/2015, bị cáo Nguyễn Công T bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Tàng trữ vận chuyển trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/5/2016.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 12/2013, bị cáo bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà).

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Không có.

Sinh trú quán: Tổ dân phố Chàng 1, thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1957, con bà Lê Thị Hồng, sinh năm 1957. Có vợ: Nguyễn Thị Khánh, sinh năm 1987; bị cáo có một con sinh năm 2011.

Tiền án: Tại Bản án số 57/2017/HSST ngày 15/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 2 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2017 đến nay trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy". Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà).

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Hò, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn Xuân Phong, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T, sinh năm 1995 trú tại thôn Xuân Phong, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 trú tại tổ dân phố Chàng 1, thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết xã hội với nhau và cả hai đều nghiện ma túy. Khoảng 12 giờ ngày 23/5/2017, Nguyễn Công T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S110 màu bạc, xám, đen biển kiểm soát 98K4-1596 từ nhà đi ra khu vực sân kho thôn Mẫu Sơn, xã Chu Điện, huyện Lục Nam thì gặp Nguyễn Văn L đang ngồi chơi ở đó. L và T ngồi nói chuyện với nhau, sau đó L rủ T đi mua ma túy để sử dụng. Do không có tiền nên T bảo L đi ra khu vực phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam tìm gặp người quen để vay tiền rồi đi Thành phố Bắc Giang mua ma túy. Sau đó L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98K4- 1596 của T chở T đến phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam nhưng không vay được tiền của ai. Lúc này khoảng 15 giờ cùng ngày, khi L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T đi lang thang trong khu vực phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam thì cả hai phát hiện thấy ở phía trước có bà Nguyễn Thị Hò, sinh năm 1955 trú tại thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam đang điều khiển chiếc xe mô tô loại xe Cup biển kiểm soát 98F5- 2418 đi một mình đi từ Quốc lộ 31 rẽ vào đường liên xã Phương Sơn đi Lan Mẫu, hướng về thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam. T quan sát thấy ở gương chiếu hậu phía trước bên trái xe mô tô do bà Hò điều khiển có treo 01 túi bằng vải thổ cẩm có nhiều màu sắc. Nghĩ là trong túi có tiền và T sản, T nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách của bà Hò rồi nói với L "Đi theo bà kia có cái túi chắc có tiền đấy". Nghe T nói vậy, L đồng ý và điều khiển xe mô tô bám theo bà Hò khoảng hơn 1 km, khi về đến đầu thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, bà Hò rẽ vào đường bê tông thôn Chính Hạ để về nhà. Khi đó đường vắng không có người qua lại, T nói với L là đi áp sát vào xe mô tô của bà Hò với mục đích để cướp giật chiếc túi xách của bà Hò. Lúc này, T ngồi sau thò tay lấy chiếc kéo bằng kim loại màu đen, phần tay

cầm của chiếc kéo được bọc nhựa màu đen có chiều dài là 19,5 cm, phần lưỡi kéo có chiều dài 6m, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 1,5 cm treo ở sườn yếm xe mô tô của mình, L điều khiển xe mô tô vượt lên đi song song và ép sát phía bên trái đầu xe mô tô của bà Hò, T dùng tay phải cầm kéo cắt đứt quai túi xách và tay trái giật lấy túi xách bằng vải thổ cẩm của bà Hò. Ngay sau đó L tăng ga bỏ chạy, T ngồi sau chỉ đường cho L chạy theo hướng ra đường bê tông liên xã về phía xã Yên Sơn, rồi rẽ vào đường liên thôn Chính Hạ đi ra đường tàu hỏa. Do quá bất ngờ và sợ hãi nên bà Hò không kịp hô hoán gì. Khi đi qua đường tàu, T nhìn lại không có người đuổi theo rồi mở chiếc túi xách ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 chiếc ví gấp bằng vải màu nâu, bề mặt ngoài được thêu 01 bông hoa sen màu hồng và 01 bát sen màu xanh kích thước (19x9) cm, và một số giấy tờ. T lấy chiếc ví gấp bằng vải ra kiểm tra thấy bên trong có 200.000 đồng, T lấy tiền đút vào túi quần rồi nói với L "Trong túi có hai trăm nghìn", L nói "Vứt túi lại cho người ta". T cho chiếc ví vào trong túi xách, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn 2, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, T vứt chiếc túi vừa cướp giật được ở rìa đường rồi chỉ đường cho L điều khiển xe mô tô ra Quốc lộ 31 và đi thành phố Bắc Giang với mục đích mua ma túy để sử dụng. Khi đến khu vực bờ đê Chi Ly, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, T dùng số tiền 200.000 đồng cướp giật được để mua ma túy của một người đàn ông không quen biết. T và L sử dụng hết số ma túy vừa mua rồi ai về nhà người đó.

Ngày 25/7/2017 bà Nguyễn Thị Hò làm đơn trình báo và đề nghị Công an huyện Lục Nam điều tra làm rõ và xử lý hai thanh niên đi xe mô tô cướp giật chiếc túi xách của bà vào chiều ngày 23/5/2017, trong túi có số tiền 1.200.000 đồng được để ở nhiều chỗ khác nhau, 01 chiếc ví gấp bằng vải có thêu hình bông hoa sen, 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Hò, 01 bảo hiểm y tế mang tên Chu Yến Nhi và một số giấy tờ không có giá trị khác. Khoảng 4 đến 5 ngày sau có 01 người phụ nữ nhặt được chiếc túi xách thổ cẩm, thấy bên trong có chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Hò nên đã mang đến nhà đưa cho bà Hò. Bà Hò nhận lại túi, kiểm tra thấy bên trong có chiếc ví gấp bằng vải và toàn bộ số giấy tờ, còn số tiền trong túi đã bị mất. Ngày 25/7/2017 bà Hò đã giao nộp lại chiếc túi cho Công an huyện Lục Nam để phục vụ cho công tác điều tra. Do bà Hò không hỏi tên tuổi địa chỉ người phụ nữ nhặt được túi nên hiện không biết người này ở đâu.

Ngày 30/7/2017 Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu định giá T sản số 80 đối với tang vật của vụ cướp giật. Ngày 07/8/2017, Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 chiếc túi xách bằng vải thổ cẩm có giá trị còn lại là 30.000 đồng; 01 chiếc ví gấp bằng vải có giá trị còn lại là 20.000 đồng. Tổng trị giá T sản là 50.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Sau khi thực hiện hành vi giật T sản của bà Hò, đến ngày 02/6/2017 Nguyễn Văn L bị Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam bắt quả tang về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" xảy ra tại Phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ngày 25/7/2017, Nguyễn Công T đến Công an huyện Lục

Nam xin đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S110 màu bạc, xám, đen biển kiểm soát 98K4- 1596, 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, phần tay cầm của chiếc kéo được bọc nhựa màu đen có chiều dài là 19,5 cm, phần lưỡi kéo có chiều dài 6m, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 1,5 cm là phương tiện, dụng cụ để thực hiện hành vi cướp giật T sản.

Ngày 10/8/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra lại toàn bộ nội dung, diễn biến của vụ án theo lời khai của bị hại và các bị can. Kết quả thực nghiệm, các bị can đã diễn tả lại hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác thu thập được.

Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị Hò khai trong chiếc túi xách bị cướp giật vào chiều ngày 23/5/2017 có số tiền là 1.200.000 đồng, nhưng Nguyễn Công T chỉ thừa nhận có 200.000 đồng. Do chỉ có lời khai của bà Hò nên không đủ căn cứ xác định trong túi có số tiền 1.200.000 đồng. Bà Hò yêu cầu buộc T và L phải bồi thường cho bà số tiền là 1.200.000 đồng. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T và L, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã có công văn yêu cầu Công an huyện Lục Nam xử lý hành chính theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 80/KSĐT ngày 02/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo về tội "C- ớp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã luận tội bị cáo, phân tích chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L phạm tội "C- ớp giật tài sản".

- Áp dụng d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Công T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/7/2017. Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53; Điều 51 và Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đôi với bị cáo Nguyễn Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 57/2017/HSST ngày 15/8/2017 của TAND huyện Lục Nam xử phạt 2 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02/6/2017.

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

Ý kiến tranh luận của bị cáo T và bị cáo L là bị cáo L chỉ thực hiện ở vai trò giúp sức cho bị cáo T nên bị cáo T có vai trò chính còn bị cáo L chỉ có vai trò thứ yếu. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo tha thiết đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ việc: Khoảng hơn 15 giờ ngày 23/5/2017, tại đường liên thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô Wave S màu xám, bạc, đen biển kiểm soát 98K4-1596 chở Nguyễn Công T đuổi theo xe mô tô biển kiểm soát 98F5- 2418 do bà Nguyễn Thị Hò, sinh năm 1955 ở thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam điều khiển đi cùng chiều mục đích để cướp giật T sản. Khi L điều khiển xe mô tô vượt lên và ép sát phía bên trái đầu xe mô tô của bà Hò, T dùng tay phải cầm kéo cắt quai túi xách và dùng tay trái giật lấy túi xách bằng vải thổ cẩm của bà Hò, ngay sau đó L tăng ga bỏ chạy. T sản mà T và L chiếm đoạt của bà Hò gồm: 01 chiếc túi xách bằng vải thổ cẩm có trị giá là 30.000 đồng, bên trong có 01 chiếc ví gấp bằng vải có giá là 20.000 đồng, 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Hò, 01 bảo hiểm y tế mang tên Chu Yến Nhi và số tiền 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[3]. Như vậy, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L phạm tội "C- ớp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã căn cứ vào những T liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác và đề nghị HĐXX kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. HĐXX nhận thấy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố cũng như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được HĐXX chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến T sản, sức khoẻ và quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người bị hại, gây ảnh h- ởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa ph- ơng. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

Xét về vai trò, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không

chủ động phân công nhiệm vụ rõ ràng, do vậy các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 20, Điều 53 BLHS 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Công T là người khởi xướng, chủ động đề xuất việc cướp giật T sản nên bị cáo có vai trò chính; bị cáo Nguyễn Văn L là người bị rủ rê, nôi kéo vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo L có vai trò thứ yếu.

[4]. Ngoài những tình tiết định tội, định khung hình phạt, HĐXX xét thấy cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công T có một tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm nhình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo Nguyễn Văn L không có tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi sự việc bị phát hiện, biết không thể trốn tránh được, bị cáo Nguyễn Công T đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

[5]. Từ tính chất, vị trí, vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

Ngoài hình phạt chính có thể áp dụng khoản 5 Điều 136 BLHS, phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo để sung công quỹ nhà nước. Song xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bà Nguyễn Thị Hò khai trong chiếc túi xách bị cướp giật vào chiều ngày 23/5/2017 có số tiền là 1.200.000 đồng nhưng bị cáo Nguyễn Công T chỉ thừa nhận có 200.000 đồng. Bà Hò yêu cầu buộc bị cáo T và L phải bồi thường cho bà số tiền là 1.200.000 đồng. Căn cứ vào T liệu có trong hồ sơ vụ án thì không có căn cứ xác định trong túi bà Hò có số tiền 1.200.000 đồng như bà Hò đã khai mà chỉ có thể xác định các bị cáo chiếm đoạt được của bà Hò số tiền là 250.000đ. Trong đó có 200.000đ tiền mặt và 01 chiếc túi xách bằng vải thổ cẩm có giá trị là 30.000 đồng; 01 chiếc ví gấp bằng vải có giá trị là 20.000 đồng, tổng trị giá T sản là 50.000 đồng nên cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm ngang nhau trong việc liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định của pháp luật. Cụ thể, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Hò là 125.000đ.

[7]. *Về vật chứng:* Đối với Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K4-1596 mà T đã sử dụng làm phương tiện gây án, quá trình điều tra xác định là của ông Nguyễn Văn Thành là bố đẻ của Nguyễn Công T. Ngày 23/5/2017, ông Thành đi làm

để chiếc xe trên ở nhà, chiếc kéo của gia đình ông Nguyễn Văn Thành vẫn gài vào sườn yếm xe để đi cắt ngọn dưa, T tự ý lấy chiếc xe đi rồi làm phương tiện gây án, ông Thành không biết. Vì vậy, ngày 29/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng số 67, trả lại chiếc xe mô tô cho ông Thành. Đối với 01 chiếc túi bằng vải thổ cẩm kích thước (24x16)cm, có nhiều màu, có quai xách một đầu bị đứt và 01 ví bằng vải màu nâu, bề mặt ngoài được thêu 01 bông hoa sen màu hồng và 01 bát sen màu xanh kích thước (19x9)cm, ngày 29/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam ra Quyết định xử lý vật chứng số 67 trả lại cho bà Nguyễn Thị Hò. HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc kéo bằng kim loại màu đen có chiều dài là 19,5cm, phần lưỡi kéo có chiều dài là 6cm, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 1,5cm mà bị cáo T đã sử dụng làm phương tiện gây án đã cũ không còn giá trị sử dụng nay cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp giật T sản".

- Áp dụng d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Công T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/7/2017. Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53; Điều 51 và Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đôi với bị cáo Nguyễn Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 57/2017/HSST ngày 15/8/2017 của TAND huyện Lục Nam xử phạt 2 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02/6/2017. Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hò số tiền 125.000đ.

Tịch thu tiêu hủy, chiếc kéo bằng kim loại màu đen có chiều dài là 19,5cm, phần lưỡi kéo có chiều dài là 6cm, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 1,5cm đã cũ không còn giá trị sử dụng.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 6, Điều 23 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ng- ời được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà ng- ời phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà n- ớc quy định t- ơng ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lục Nam;*
- *Công an huyện Lục Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Lục Nam;*
- *Bị cáo;*
- *L- u: VP và hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Nâu